

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI,
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **33** /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 6 – 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Duy Minh;
2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký TAND thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu N, sinh năm: 1995, nơi cư trú: Thôn T.T, xã T.T, thị xã L.G, tỉnh B.T.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1986, nơi cư trú: Thôn T.T, xã T.T, thị xã L.G, tỉnh B.T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Thu N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn, được UBND xã Tân Tiến, thị xã La Gi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 04/3/2013. Bà N, ông S có 02 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tiên, sinh ngày: 01/01/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày: 15/3/2017.

Sau khi kết hôn, bà N, ông S sống chung với nhau ở người quen bên phía gia đình ngoại của bà N, quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn nên đến năm 2019, bà N chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, còn ông S vẫn ở tại chỗ cũ, đến năm 2021 thì ông S chuyển về sống chung với cha, mẹ ông S. Năm 2022, bà N chuyển về sinh sống và thuê nhà tại thôn Tam Tân, xã Tân Tiến sống đến nay. Quá trình bà N, ông S sống ly thân thì mẹ bà N và bà ngoại bà N chăm sóc 02 cháu. Hiện nay, bà N đang làm nhân viên tại Resort Waikiki La Gi, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 07 triệu đồng, do điều kiện công việc thường xuyên tăng ca nên bà N nhờ mẹ bà N phụ trực tiếp chăm sóc các cháu trong thời gian bà N làm việc. Hiện cháu Tiên đang theo học tại Trường Trung học cơ sở Tân Hải, cháu Kim đang theo học tại Trường Tiểu học Tân Tiến 1.

Mâu thuẫn chủ yếu giữa bà N và ông S là do ông S thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà N, trước đây, bà N cũng có trình báo với trưởng thôn, sau khi hòa giải ông S vẫn không thay đổi. Nhận thấy hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với Ông Nguyễn Ngọc S.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tiên, sinh ngày: 01/01/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày: 15/3/2017 cho bà Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng;
- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết;
- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Công việc hiện tại của ông S là lao động biển, tùy theo mùa vụ, khi có thu nhập thì ông S có hỗ trợ tài chính để nuôi các cháu, do tính chất thu nhập không ổn

định như vậy nên bà N không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của bà N và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đủ điều kiện để giải quyết ly hôn, trên cơ sở trình bày của các bên đương sự, kết quả xác minh của Tòa án, ý kiến, nguyện vọng của con chung chưa thành niên, việc giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Thu N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S, giao cháu Nguyễn Ngọc Thủy Tiên, sinh ngày: 01/01/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày: 15/3/2017 cho bà Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Ngọc S có nơi cư trú tại thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã La Gi nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa, vắng mặt bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Ngọc S, trong đó bà N đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng

dân sự, xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[3] Bà N trình bày mâu thuẫn chủ yếu giữa bà N và ông S là do ông S thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà N, từ năm 2019 thì bà N và ông S đã sống ly thân. Trên cơ sở lời trình bày của bà N, Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy bà N và ông S thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về hiện đang sống ly thân. Tại biên bản trình bày ý kiến, nguyện vọng của con, cháu Thiên Kim trình bày khi cha, mẹ sống chung với nhau thì thỉnh thoảng có cãi nhau, đã lâu rồi cha, mẹ không còn sống chung với nhau nữa, còn cháu Thủy Tiên trình bày tính đến nay, cha, mẹ không còn sống chung với nhau khoảng 05 năm.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho **hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được**”*; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao quy định: *““Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” là thuộc một trong các trường hợp sau đây: Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: **vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng**”*.

[5] Ông Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia các phiên họp, phiên tòa nhưng không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có), là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 196, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của bà N và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ điều kiện để cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Trên cơ sở ý kiến, nguyện vọng của con chung, sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ cũng như sự quan tâm của

cha, mẹ đối với con, và đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử xác định việc giao con chung như yêu cầu khởi kiện của bà N là phù hợp. Mặc dù đã được Tòa án giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, tuy nhiên bà N vẫn không yêu cầu, đây là quyền tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Bà Trần Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 19, Điều 21, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu N ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thuỷ Tiên, sinh ngày: 01/01/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Thiên Kim, sinh ngày: 15/3/2017 cho bà Trần Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Ngọc S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Bà Trần Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Biên lai thu số 0012199, ngày 20/02/2025.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã La Gi;
- UBND đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ/
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú